

Bản án số: 33/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 10 - 2019

V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đạt –Thẩm phán.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Ngọc Hưng.

2. Ông Lê Dũng Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa tham gia phiên tòa:
Không.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 151/2019/TLST - HNGĐ ngày 23/9/2019 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 14/10/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị Thanh T, sinh năm 1993;

Nơi ĐKKHKT: Thôn DT, xã TC, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Nơi ở hiện nay: E7/180B/Áp Y, xã PP, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vắng mặt (Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Xuân N, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Thôn DT, xã TC, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (Anh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/9/2019 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thanh T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Thanh T và anh Nguyễn Xuân N kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PP, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 07/4/2016. Sau khi kết hôn, chị T theo anh N về sống chung được 02 năm ở Thôn DT, xã TC, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Đến khoảng giữa năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vợ chồng thường xảy ra cãi vã, anh N đi làm ăn xa thường xuyên vắng nhà, mâu thuẫn giữa hai bên gia đình cũng trở nên gay gắt. Tháng 12 năm 2018 chị T bỏ vào N, về nhà mẹ đẻ trong Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, vợ chồng ly thân nhau từ đó, cho rằng anh N

có tình cảm với người khác, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T đề nghị được ly hôn anh Nguyễn Xuân N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung, cháu Nguyễn Xuân C, sinh ngày 01/8/2016; Ly hôn, chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị; Tại đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ngày 14/10/2019 chị T thay đổi về yêu cầu về nuôi con, chị Đề nghị Tòa án giao con cho anh Nguyễn Xuân N trực tiếp nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N.

Về tài sản và công nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 23/9/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Xuân N trình bày: Anh N và chị Huỳnh Thị Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã xã PP, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 07/4/2016; Sau khi kết hôn vợ chồng về quê anh N ở Thôn DT, xã TC, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa sinh sống, vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Tháng 12 năm 2018 chị T bỏ vào N sinh sống, vợ chồng ly thân nhau từ đó. Nay chị T xin ly hôn anh thấy tình cảm vợ chồng cũng không còn, anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung, cháu Nguyễn Xuân C, sinh ngày 01/8/2016; Ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N.

Về tài sản và công nợ: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy;

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Xuân N và chị Huỳnh Thị Thanh T đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hòa giải nhưng chị T đề nghị không tiến hành hòa giải đây là trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Do công việc bận chị Huỳnh Thị Thanh T và anh Nguyễn Xuân N đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T và anh N.

[2] Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Thanh T và anh Nguyễn Xuân N kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn và không vi phạm các điều cấm của luật hôn nhân gia đình như vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hai bên đã ly thân thời gian dài. Nay chị T và anh N đều mong muốn ly hôn, không yêu cầu Tòa án hòa giải đều có đơn xin xét xử vắng mặt do công việc bận, điều đó chứng tỏ các đương sự không thiết tha, níu kéo, tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị T được ly hôn anh N là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị T và anh N đều thừa nhận có 01 con chung, cháu Nguyễn Xuân C, sinh ngày 01/8/2016, chị T đã xuất trình cho Tòa án bản sao giấy khai sinh cháu Nguyễn Xuân C, có ghi họ tên mẹ là chị Huỳnh Thị Thanh T, họ tên bố là Nguyễn Xuân N; Như vậy đủ cơ sở khẳng định cháu C là con chung của chị T và anh N. Xét nguyện vọng nuôi con của chị T và anh N là chính đáng, chị T thay đổi yêu cầu nuôi con đề nghị Tòa án giao con cho anh N nuôi dưỡng, nên giao cháu C cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, anh N có thu nhập khoảng 12.000.000đ(Mười hai triệu đồng)/tháng, anh N không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng của các bên là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1, Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 6, Điều 9; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Huỳnh Thị Thanh T ly hôn anh Nguyễn Xuân N.
2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Nguyễn Xuân C, sinh ngày 01/8/2016 cho anh Nguyễn Xuân N trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận ý kiến của anh N, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N.

Chị T có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc các bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Thanh T phải chịu tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số AA/2017/0005584 ngày 23/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa, chị T đã nộp đủ án phí.

Trở lại hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị T, anh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Đạt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Ngọc Hưng

Lê Dũng Tấn

Hoàng Văn Đạt